TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MƯỜNG LÁT** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2018/HS-ST
Ngày 30/10/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG LÁT, TỈNH THANH HOÁ

Với thành phần xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Bà Ngô Thị T

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lương Văn C và bà Lò Thị T

- *Thư ký phiên toà*: Ông Lâu Văn C, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát tham gia phiên tòa:*

Ông: Phạm Viết T- Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 30/10/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hoá, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 28/2018/TLST-HS ngày 18 tháng 9 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2018/QĐXXST-HS ngày 17/10/2018 đối với bị cáo:

Cứ Thị P. Sinh năm: 1955 Quê quán: xã Phiềng Cằm, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Bản Pa Búa, xã Trung Lý, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mông; Tôn giáo: Thiên chúa giáo. Nghề nghiệp: Trồng trọt. Trình độ học vấn: Không biết chữ. Con ông: Cứ A Tu và bà Giàng Thị Dế. Chồng: Hạng A Lữ (Bố, mẹ và chồng bị cáo đều đã chết). Có 8 người con, lớn nhất sinh 1984, nhỏ nhất sinh 2007.

Tiền sự: Không có;

Tiền án: Có một tiền án: Ngày 01/3/2017 bị Tòa án nhân dân huyện Mường Lát xử phạt 15 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy"

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/6/2018 đến nay, có mặt tại tòa.

Người phiên dịch: Lâu Văn P, sinh năm 1987

Trú tại: Bản Pù Toong, xã Pù Nhi, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Ngọc Khang - Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý số 1, thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà Nước tỉnh Thanh Hóa, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 09/6/2018, bị cáo đang ở nhà một mình thì có một người phụ nữ dân tộc Mông không quen biết đi bộ qua và xin vào nhà bị cáo nghỉ nhờ. Qua trao đổi nói chuyện bị cáo biết người phụ nữ này có ma túy để bán nên đã hỏi mua 100.000 (*Một trăm nghìn*) đồng, bị cáo còn xin thêm để sử dụng. Đến khoảng 15 giờ 20 phút cùng ngày, bị cáo lấy số ma túy mua được để sử dụng thì tổ công tác Công an huyện Mường Lát phối hợp với Ban công an xã Trung Lý tiến hành kiểm tra, bị cáo liền giấu số ma túy còn lại xuống dưới chiếu tại chỗ ngồi của mình. Tổ công tác yêu cầu bị cáo lấy ra kiểm tra thì phát hiện một gói nilon màu đen, bên trong có chứa Sáu cục dạng nén màu trắng ngà, bị cáo khai nhận đó là heroin và một túi nilon màu xanh, bên trong có sáu viên thuốc màu hồng, trên bề mặt mỗi viên đều có dập chìm chữ "WY", bị cáo khai nhận đây là ma túy tổng hợp. Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang thu giữ toàn bộ số ma túy là vật chứng, tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của bị cáo nhưng không thu được gì.

Tại bản kết luận giám định số: 1165/MT - PC54, ngày 12/6/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa kết luận:

- Sáu cục dạng nén màu trắng ngà của phong bì niêm phong ký hiệu M1 gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 0,583g (không phẩy năm tám ba gam) loại: Heroin.

- Sáu viên màu hồng có chữ WY dập chìm của phong bì niêm phong ký hiệu M2 gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 0,614g (không phẩy sáu một bốn gam) loại: Methamphetamine.

Do các chất ma túy trên đều được quy định trong cùng một điểm của khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự, nên tổng trọng lượng bị can tàng trữ là **1,197** gam (0,583g heroin + 0,614g Methamphetamine).

Bản cáo trạng số 34/CT-VKS-ML ngày 17/9/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa truy tố bị cáo về tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy"* theo điểm i khoản 1 điều 249 năm 2015.

Lời luận tội của đại diện VKS tham gia phiên tòa: Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố như đã nêu trong bản Cáo trạng, đề ghị HĐXX:

+ Về tội danh: Tuyên bị cáo phạm tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy"*

+ Về điều luật: Áp dụng: Điểm s khoản 1 điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điểm i khoản 1 điều 249 BLHS năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

+ Về hình phạt chính: Xử phạt bị cáo: Từ **24** (*Hai bốn*) đến **26** (*Hai sáu*) tháng tù giam.

+ Hình phạt bổ sung: Bị cáo hoàn cảnh khó khăn về kinh tế, không có tính thực thi nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung.

+ Về vật chứng: Căn cứ điều 106 BLTTHS, tuyên tịch thu tiêu hủy số heroin là mẫu vật còn lại sau giám định;

+ Về án phí: Căn cứ điều 135, điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội. bị cáo phải nộp án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của người bào chữa: Người bào chữa thống nhất với quan điểm truy tố của đại diện VKS về tội danh và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, điều luật áp dụng đối với bị cáo. Người bào chữa cho rằng, bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn, bị cáo thuộc hộ nghèo, lại không biết chữ, đề nghị HĐXX cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 điều 51 BLHS, xử bị cáo một mức án thấp nhất của khung hình phạt và căn cứ điểm đ khoản 1 điều 11 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội, miễn khoản nộp án phí HSST cho bị cáo.

Ý kiến của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo nhận tội, đồng tình với lời bào chữa, không thay đổi, bổ sung thêm gì làm thay đổi nội dung vụ án, không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát. Lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, để bị cáo sớm được trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. *Xét về hành vi, quyết định tố tụng:* Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Mường Lát và Điều tra viên. Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố. Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, Thẩm phán và Thư ký trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đồng tình với ý kiến của người bào chữa và không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, những người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng thực hiện đều hợp pháp.

[2]. *Chứng cứ xác định có tội, không có tội của bị cáo*: Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Xét lời khai nhận tội của bị cáo là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người chứng kiến, kết luận giám định, ý kiến của người bào chữa và chứng cứ khác trong hồ sơ, đủ cơ sở khẳng định bị cáo tàng trữ **1,197** gam (0,583g heroin + 0,614g Methamphetamine) đã phạm vào điểm i khoản 1 điều 249 BLHS năm 2015 như Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát truy tố là có căn cứ.

[3]. *Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội. Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:*

- Tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy nhằm mục đích sử dụng là nguy hiểm cho bản thân bị cáo và toàn xã hội, xâm phạm chính sách quản lý độc quyền về ma túy của Nhà Nước. Ma tuý hiện nay đang trở thành hiểm họa lớn cho toàn xã hội và là nguyên nhân phát sinh những loại tội phạm khác, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự, an toàn xã hội. Bị cáo là người có năng lực chịu tránh nhiệm hình sự, biết việc tàng trữ trái phép chất ma túy của mình là vi phạm pháp luật bị cộng đồng xã hội lên án nhưng vẫn cố thực hiện.

- Nhân thân bị cáo đã có tiền án về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" chưa được xóa án tích nên phải chịu tình tiết tăng nặng TNHS quy định tại điểm h khoản 1 điều 52 BLHS. Tại các cơ quan tố tụng cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, thái độ ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự.

[4]. *Về hình phạt:*

- Hình phạt chính: Bị cáo là người sử dụng ma túy, với tính chất nghiêm trọng của tội phạm về ma túy, xét nhân thân và hành vi phạm tội của bị cáo, cần cách ly bị cáo khỏi xã hội nhằm cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung.

- Hình phạt bổ sung: Bản thân bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, nghiện may túy, kinh tế khó khăn, không có tính thực thi nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5]. *Về vật chứng trong vụ án:*

Số ma túy là mẫu vật còn lại sau trích mẫu giám định đang được bảo quản tại kho tang vật Chi cục THADS huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa, là chất Nhà nước Việt Nam cấm lưu hành cần tịch thu tiêu hủy;

[6]. *Đánh giá về những vấn đề khác:*

Đối với người đàn bà đã bán ma túy cho bị cáo thì cơ quan chức năng sẽ điều ta làm rõ hành vi phạm tội để xử lý sau.

[7]. *Về án phí và quyền kháng cáo, kháng nghị:* Bị cáo có tội nên phải nộp tiền án phí HSST và có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Về điều luật: Căn cứ điều 260 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 38; điểm s khoản 1 điều 51;điểm h khoản 1 Điều 52; Điểm i khoản 1 điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015.

Về tội danh: Cứ Thị P phạm tội: "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*" .

***Về Hình phạt**:* Xử phạt bị cáo:

+ Hình phạt chính: **02** (*Hai*) năm tù;

Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ (09/62018)

+ Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung.

Về vật chứng: Căn cứ khoản 2 điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015;

Tịch thu tiêu hủy:

Phong bì đựng toàn bộ số ma túy do phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa phát hành ghi vụ Cứ Thị Pàng, được dán kín niêm phong bởi các chữ ký ghi rõ họ tên của Nguyễn Trần Đăng, Lại Thị Thanh Loan, Lê Minh Tiến, Đinh Văn Tuấn và các hình dấu của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa làm giáp lai, phong bì niêm phong còn nguyên vẹn;

Vật chứng kể trên hiện đang lưu giữ tại kho tang vật của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 17/9/2018 giữa Cơ quan điều tra Công an huyện Mường Lát và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

Về án phí: Căn cứ điều 135, điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Khoản 1 điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội.

Tuyên: Bị cáo nộp 200.000 (*Hai trăm nghìn*) đồng tiền án phí HSST.

Về kháng cáo và kháng nghị: Căn cứ điều 331; điều 333 và điều 337 Bộ luật tố tụng hình sự:

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Viện Kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Án xử công khai, có mặt bị cáo, người bào chữa cho bị cáo.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật bị cáo phải thi hành khoản tiền án phí hình sự sơ thẩm, nếu không tự nguyện thì bị cưỡng chế theo điều 9 luật THADS, thời hiệu thi hành án căn cứ điều 30 luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- VKS nhân dân H.Mường Lát;
- VKS nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Cơ quan CSĐT- Công an H. Mường Lát;
- Chi cục THADS huyện Mường Lát;
- UBND xã Trung Lý
- Bị cáo;Người bào chữa cho bị cáo;
- Hồ sơ Thi hành án Hình sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa

Ngô Thị T